

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *46* /TB-HVCSPT

Hà Nội, ngày *11* tháng *3* năm 2021

THÔNG BÁO

V/v Nộp hồ sơ miễn giảm học phí học kỳ II năm học 2020-2021

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn/giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và xã hội, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn/giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Để thực hiện chế độ miễn/giảm học phí cho sinh viên đúng đối tượng được hưởng trong học kỳ II năm học 2020-2021, yêu cầu các sinh viên đại học hệ chính quy Học viện Chính sách và Phát triển đang trong thời gian đào tạo tại Học viện thuộc một trong các đối tượng sau làm hồ sơ xin miễn/giảm học phí:

I. ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

1. Đối tượng được miễn 100% học phí

1.1. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể như sau:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);
- Con của người hoạt động cách mạng từ trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

1.2. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.3. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, hiện đang học đại học văn bằng thứ nhất.

1.4. Sinh viên là người DTTT thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

1.5. Sinh viên là người DTTT rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Người DTTT rất ít người gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thén, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu. Vùng có Điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH.

2. Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên là người DTTT (không phải là DTTT rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối tượng được giảm 50% học phí

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ sinh viên bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, TRỢ CẤP XÃ HỘI

1. Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập:

Sinh viên là người dân tộc ít người sống ở vùng cao; Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên; Sinh viên là người tàn tật, suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên; Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập.

2. Đối tượng trợ cấp xã hội:

Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ; Thi đỗ vào Học viện theo đúng quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng. (Không áp dụng đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học sau khi kết thúc chương trình dự bị đại học).

III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN, THỦ TỤC HỒ SƠ

1. Sinh viên thuộc diện xét chế độ miễn/giảm học phí thực hiện như sau:

- Sinh viên thuộc đối tượng được miễn/giảm học phí đã làm hồ sơ xin miễn/giảm từ đầu khóa học thì không phải nộp lại hồ sơ xin miễn/giảm học phí trong học kỳ II

năm học 2020-2021. Các sinh viên còn thiếu hồ sơ hoặc hồ sơ đã hết hạn, nếu tiếp tục thuộc diện được miễn/giảm học phí học kỳ này thì nộp bổ sung giấy tờ còn thiếu (*đối chiếu danh sách đính kèm*)

- Các sinh viên khác thuộc các đối tượng được miễn/giảm học phí nhưng không có tên trong danh sách trên thì chuẩn bị đầy đủ Hồ sơ như hướng dẫn trong mục 2 dưới đây.

2. Thủ tục, hồ sơ miễn, giảm học phí

Để nhận chính sách miễn/giảm học phí, sinh viên phải làm hồ sơ đầy đủ theo đúng pháp lệnh ưu đãi của Nhà nước gồm các loại giấy tờ sau:

Đơn xin miễn/giảm học phí (**theo mẫu**) Sinh viên tải Đơn xin miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tại website của Học viện: <http://apd.edu.vn>. Trong mục: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên/Hành chính 1 của sinh viên – Biểu mẫu sinh viên.

STT	ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM	HỒ SƠ (Các bản sao phải có chứng thực và có bản chính để đối chiếu)
SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ		
1	<p>Người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - SV là con của người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động CM từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945 - SV là con của Anh hùng LLVTND; con của Anh hùng LĐ trong thời kỳ kháng chiến - SV là con của liệt sỹ - SV là con thương binh - SV là con bệnh binh - SV là con của người được hưởng chính sách như thương binh - SV là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học 	<p>Hồ sơ nộp 1 lần và áp dụng trong cả niên khoá, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP. 2. Bản sao công chứng giấy khai sinh. 3. Bản sao công chứng Hộ khẩu thường trú. 4. Giấy xác nhận thuộc đối tượng do cơ quan quản lý đối tượng người có công và UBND xã xác nhận. 5. Chứng minh thư nhân dân (photo)

2	SV mồ côi không có nguồn nuôi dưỡng, tuổi không quá 22 (theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP đối với đối tượng được bảo trợ xã hội)	Hồ sơ nộp 1 lần và áp dụng trong cả niên khoá, bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP 2. Quyết định trợ cấp xã hội của chủ tịch UBND cấp huyện 3. Bản sao công chứng giấy khai sinh. 4. Chứng minh thư nhân dân (photo)
3	SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Hồ sơ bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP . 2. Kết luận của Hội đồng xét duyệt Trợ cấp xã hội. 3. Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo bổ sung theo năm hành chính (bổ sung năm 2021). 4. Bản sao công chứng giấy khai sinh. 5. Bản sao công chứng Hộ khẩu thường trú. 6. Chứng minh thư nhân dân (photo)
4	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hồ sơ bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP 2. Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo bổ sung theo năm hành chính (bổ sung năm 2021). 3. Bản sao công chứng giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số. 4. Bản sao công chứng Hộ khẩu thường trú. 5. Chứng minh thư nhân dân (photo)
5	SV là người dân tộc thiểu số rất ít người (<i>La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu</i>) có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Hồ sơ bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP 2. Bản sao giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người. 3. Bản sao công chứng giấy khai sinh. 4. Bản sao công chứng Hộ khẩu thường trú. 5. Chứng minh thư nhân dân (photo) 6. Xác nhận vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của Chính phủ.
SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 70% HỌC PHÍ		
6	SV là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Hồ sơ bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn xin giảm học phí 2. Bản sao công chứng giấy khai sinh. 3. Bản sao công chứng Hộ khẩu thường trú. 4. Giấy xác nhận vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 5. Chứng minh thư nhân dân (photo)

SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 50% HỌC PHÍ	
7	<p>SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;</p> <p style="text-align: right;">Hồ sơ nộp 1 lần và áp dụng trong cả niên khoá, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP 2. Bản sao công chứng giấy khai sinh. 3. Bản sao công chứng Hộ khẩu thường trú. 4. Bản sao sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố/mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động. 5. Chứng minh thư nhân dân (photo).

3. Thủ tục hồ sơ Hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội

3.1. Hồ sơ Hỗ trợ chi phí học tập:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, có xác nhận của Khoa/Viện quản lý sinh viên.

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo do UBND cấp xã, phường, thị trấn cấp hoặc xác nhận.

- Bản sao giấy khai sinh

3.2. Hồ sơ trợ cấp xã hội:

- Sinh viên làm đơn xin trợ cấp xã hội, theo mẫu của Học viện, có xác nhận của Khoa/viện quản lý sinh viên.

- Sinh viên nộp và xuất trình các giấy tờ sau:

+ Sinh viên là người dân tộc ít người sống ở vùng cao: Nộp bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh hoặc giấy kết hôn của cha mẹ, trong đó có ghi cha hoặc mẹ là người dân tộc ít người (liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu ở vùng cao ít nhất 03 năm trở lên, tính đến thời điểm vào học tại Học viện).

+ Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu: Nộp giấy chứng tử cha và mẹ (bản sao có chứng thực).

+ Sinh viên là người tàn tật, có khó khăn về kinh tế, suy giảm lao động từ 41% trở lên: Nộp biên bản giám định y khoa và xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

+ Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập: Nộp bản sao giấy chứng nhận là sinh viên thuộc diện hộ nghèo do chính quyền địa phương xác nhận theo mẫu quy định.

Lưu ý: Sau khi chuẩn bị xong giấy tờ cần thiết, sinh viên nộp hồ sơ như sau:

- Scan/chụp ảnh rõ nét và nộp vào hộp thư Motcuasinhvien@apd.edu.vn, thời gian nộp hồ sơ qua hộp thư chậm nhất là 17h00 ngày 14/03/2021.

- Từ ngày 15/3/2021 – 30/3/2021 nộp đơn, bản phô tô và bản gốc để đối chiếu tại Phòng Chính trị và công tác sinh viên.

- Đối với sinh viên thuộc diện chính sách cần nộp cập nhật và hoàn thiện hồ sơ để hưởng chế độ miễn giảm học phí theo học kỳ, nếu không nộp và hoàn thiện hồ sơ theo quy định, sẽ không được hưởng chế độ miễn giảm học phí.

Mọi thông tin chi tiết cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ:

TS. Đỗ Kiến Vọng – Phó trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

Điện thoại: 0978.459.828

Email: dokienvong@apd.edu.vn

Học viện đề nghị các Khoa/Viện thông báo và đôn đốc nhắc nhở sinh viên thuộc các đối tượng được miễn/giảm học phí nộp hồ sơ đúng hạn và đầy đủ giấy tờ theo yêu cầu của từng đối tượng./.

Nơi nhận:

- Ban GDHV (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Học viện (để t/h);
- Đăng website HV;
- Lưu: TCHC; CTSV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Nguyễn Thị Hạnh Vân

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020- 2021

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 46 /TB-HVCSPT ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Khoa/Viện	TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Tỷ lệ Miễn, Giảm học phí	Hồ sơ cần bổ sung	Ghi chú
1	Kinh tế Quốc tế	1	5083106121	Tạ Thị Phương Hoa	KTĐN 8A	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
2		2	5083106276	Lê Thị Phương Thảo	KTĐN 8C	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
3		3	5093106133	Nguyễn Thị Bình Nguyên	KTĐN 9A	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
4		4	5093106196	Nguyễn Thảo Ninh	KTĐN 9B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
5		5	5093106202	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	KTĐN 9B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
6		6	5093106239	Đỗ Ngọc Ly	KTĐN 9C	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
7		7	7103106043	Dương Thị Hồng Nhung	KTĐN 10	Bố/Mẹ thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
8		8	7103106048	Đào Trịnh Lan Phương	KTĐN 10	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
9		9	5083106271	Trần Thị Như Quỳnh	KTĐN 8C	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
10		10	5093106149	Nguyễn Hồng Thúy	KTĐN 9A	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
11		11	71131106092	Trần Thị Thanh Nga	KTQT11.02	Bố mẹ mắc bệnh nghề nghiệp	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
12		12	71131106085	Lù Nhật Minh	KTQT11.01	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
13		13	71131106133	Bùi Thị Thoa	KTQT11.02	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
14		14	5083106195	Đinh Quỳnh Nga	KTĐN 8B	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung

TT	Khoa/Viện	TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Tỷ lệ Miễn, Giảm học phí	Hồ sơ cần bổ sung	Ghi chú
15	Kinh tế phát triển	1	5093101131	Phùng Thị Thanh Huyền	KHPT 9A	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
16		2	5083101148	Nguyễn Thị Xuân	KHPT 8A	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
17		3	5093101149	Lương Thị Hoài Như	KHPT 9A	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
18		4	7103105108	Hồ Thị Hạnh	KHPT 10	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
19		5	5083101118	Nguyễn Thái Huệ	KHPT 8A	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
20		6	71131105055	Lang Văn Khải	KTPT11.02	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
21	Khoa Quản trị kinh doanh	1	7103401017	Bùi Thị Hiền	QTDN 10A	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
22		2	7103401094	Phan Huyền Trang	QTDN 10B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
23		3	71134101106	Trịnh Thị Mến	QTKD11.02	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
24		4	5083401076	Dương Thu Giang	QTDN 8B	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
25		5	7103401301	Dương Thị Hải Yến	QTMA 10B	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
26		6	5083401088	Nông Thị Hương	QTDN 8B	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
27		7	5083401015	Bùi Thị Bích Hạnh	QTDN 8A	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
28		8	5093401055	Dương Huyền Trang	QTDN 9A	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
29		9	5093401089	Lương Thanh Huyền	QTDN 9B	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
30		10	5083401017	Hà Khánh Hưng	QTDN 8A	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
31		11	7103401061	Lý Thị Kim Chi	QTDN 10B	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
32		12	71134101134	Vi Thị Sa	QTKD11.02	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
33		13	71134101123	Nguyễn Thị Nhung	QTKD11.01	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
34		14	71134101091	Hoàng Thị Hải Liên	QTKD11.01	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung

TT	Khoa/Viện	TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Tỷ lệ Miễn, Giảm học phí	Hồ sơ cần bổ sung	Ghi chú
35	Tài chính - Đầu tư	1	5083402170	Đông Khánh Linh	TCC8B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
36		2	5093401090	Trần Trọng Khánh	QTDN 9B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
37		3	7103402127	Nguyễn Huyền My	TC 10	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
38		4	7103402063	Nguyễn Thị Hà	KT- KT 10B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
39		5	7103402153	Nguyễn Tuấn Minh	TC ĐT 10	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
40		6	71134301075	Nguyễn Thảo Nga	KTO11.02	Bố /mẹ thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
41		7	71134201075	Mai Cẩm Ly	TCNH11.02	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
42		8	71134301073	Nguyễn Trà My	KTO11.2	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
43		9	5083402110	Mai Anh Đức	TCC 8A	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
44		10	5093402121	Vũ Quang Huy	TC 9	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
45		11	71134201060	Lê Thùy Linh	TCNH11.02	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
46		12	5093402106	Tòng Thị Minh Ánh	TC 9	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
47		13	71134201045	Lộc Thị Thu Huyền	TCNH11.01	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
48		14	7103402134	Hà Minh Thuận	TC 10	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
49		15	7103402022	Lường Thị Lệ	KTKT 10A	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
50		16	71134201039	Quách Lê Hiếu	TCNH11.02	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
51	Luật Kinh tế	1	7103807059	Vũ Thị Hồng Thư	LUKT 10	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
52		2	7103807017	Trần Thế Gia	LUKT 10	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
53		3	7103807019	Lê Thị Linh Giang	LUKT 10	Con mồ côi	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
54		4	71138107046	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	LU11.01	Con nạn nhân nhiễm chất độc hóa học	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
55		5	71138107033	Nguyễn Ngọc Hà	LU11.02	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
56		6	7103807063	Nguyễn Hoàng Trang	LUKT 10	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
57		7	7103807050	Nông Thị Phượng	LUKT 10	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
58		8	71138107013	Hoàng Thị Bình	LU11.02	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung

TT	Khoa/Viện	TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Tỷ lệ Miễn, Giảm học phí	Hồ sơ cần bổ sung	Ghi chú
59	Kinh tế	1	5083101222	Đào Thị Hoa	Đầu tư 8A	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
60		2	5083101294	Nguyễn Thị Tú Quyên	Đầu tư 8B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
61		3	5083101299	Vũ Phương Thảo	Đầu tư 8B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
62		4	7103101067	Nguyễn Thị Hằng	Đầu tư 10B	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
63		5	71131101265	Lê Thuận	KT11.02	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
64		6	71131101273	Vũ Thị Thúy	KT11.03	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
65		7	5093101511	Vũ Ngọc Diệu Hương	Đầu thầu 9	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
66		8	7103101225	Bùi Diệu Linh	Đầu thầu 10	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
67		9	71131101022	Nguyễn Văn Anh	KT 11.3	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
68		10	5093101536	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đầu thầu 9	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
69		11	71131101181	Hoàng Thị Nga	KT11.04	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
70		12	7103101231	Ma Thị Kim Oanh	Đầu thầu 10	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
71	Chính sách công	1	5093105014	Hồ Thị Thùy Linh	QLC 9	Bố/Mẹ là thương bệnh binh	100%	Không cần bổ sung hồ sơ	
72		2	7103102011	Hoàng Thị Thúy	QLC 10	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
73		3	71131205014	Hồ Thị Thảo	QLNN11.01	Dân tộc nghèo /cận nghèo	100%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
74		4	5083105045	Điêu Chính Tuấn	QLC 8	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
75		5	5083105029	Bàng Thị Bích Ngọc	QLC 8	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung
76	Viện Đào tạo Quốc tế	1	7103106643	Lê Thu Phương	KTĐN 10.2	Bố/Mẹ tai nạn lao động	50%	Không cần bổ sung hồ sơ	
77	Kế toán	1	71134301078	Hoàng Diệu Ngát	KTO11.02	Vùng đặc biệt khó khăn	70%	Bản sao công chứng hồ sơ	Bổ sung

Ghi chú: Danh sách gồm 77 sinh viên